

QUẢN LÝ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ ĐÔ HÀ NỘI – THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

Nguyễn Đăng Trung, Bùi Đức Nhân, Đỗ Hoàng Dương

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

Tóm tắt: Đào tạo sau đại học có vai trò rất quan trọng trong việc phát triển nguồn nhân lực của Việt nam nói chung và của thủ đô Hà Nội nói riêng. Minh chứng cho vấn đề này được thể hiện trong quá trình phát triển và quy mô đào tạo. Trong bài viết này, nhóm tác giả sẽ giới thiệu về thực trạng quản lý đào tạo thạc sĩ ở Trường Đại học Thủ đô Hà Nội và đề xuất một số giải pháp để khắc phục những hạn chế còn tồn tại để nâng cao chất lượng đào tạo sau đại học, phù hợp với thực tế tại Nhà trường.

Từ khoá: Nguồn nhân lực, sau đại học, đào tạo.

Nhận bài ngày 12.3.2022; gửi phản biện, chỉnh sửa, duyệt đăng ngày 22.5.2022

Liên hệ tác giả: Nguyễn Đăng Trung; Email: ndtrung@daihocthudo.edu.vn

1. MỞ ĐẦU

Thực hiện đổi mới căn bản và toàn diện, xác định tăng cường nâng cao chất lượng giáo dục phải bắt đầu từ nâng cao năng lực quản lý giáo dục cho đội ngũ cán bộ quản lý tại các cơ sở giáo dục. Nghị quyết số 29/NQ-TƯ ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo đã nêu rõ 9 nhóm giải pháp, trong đó có về đổi mới căn bản công tác quản lý giáo dục, đào tạo, bảo đảm dân chủ, thống nhất; tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục, đào tạo; coi trọng quản lý chất lượng: “Xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, đào tạo. Đẩy mạnh phân cấp, nâng cao trách nhiệm, tạo động lực và tính chủ động, sáng tạo của các cơ sở giáo dục, đào tạo”. Đảng và Nhà nước ta đã xác định, giáo dục – đào tạo là “quốc sách hàng đầu” và “đầu tư cho giáo dục – đào tạo là đầu tư cho phát triển”. Điều 2, Luật Giáo dục năm 2005 có viết: “Mục tiêu của giáo dục là đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất, năng lực công dân, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”.

Trong nghiên cứu này, tác giả tập trung xem xét thực trạng công tác quản lý đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản lý giáo dục tại trường Đại học Thủ đô Hà Nội, từ đó đề xuất một số giải pháp quản lý đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản lý giáo dục nhằm

đảm bảo chất lượng giáo dục.

2. NỘI DUNG

2.1. Thực trạng quản lý đào tạo thạc sĩ ở Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

Nhằm tìm hiểu thực trạng quản lý đào tạo thạc sĩ theo hướng đảm bảo chất lượng ở Trường Đại học Thủ đô Hà Nội, chúng tôi đã tiến hành phát phiếu hỏi để xin ý kiến của 110 người. Trong đó, cán bộ quản lý: 20 người; giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng: 40 người; học viên cao học: 50 người.

2.2. Thực trạng công tác tuyển sinh

Bảng 1. Kết quả đánh giá thực trạng của CBQL, GV và học viên về công tác tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ				ĐTB	Thứ bậc
		Tốt	Khá	TB	Yếu		
1	Lập kế hoạch tuyển sinh	96	11	3	0	3,84	1
2	Thu nhận và xử lý hồ sơ ban đầu	94	12	4	0	3,82	2
3	Tổng hợp và xét duyệt hồ sơ tuyển sinh của HĐTS SĐH	92	14	4	0	3,80	3
4	Tổ chức thi tuyển sinh	90	14	6	0	3,76	5
5	Công bố kết quả thi	88	10	10	2	3,67	6
6	Xử lý phúc tra kết quả thi tuyển	86	11	10	3	3,63	7
7	Báo cáo kết quả tuyển sinh về Bộ GD-ĐT	82	13	14	1	3,60	8
8	Lưu trữ các tài liệu tuyển sinh	90	16	4	0	3,78	4

Kết quả thu được trong Bảng 1 cho chúng ta thấy 8/8 nội dung đánh giá được đưa ra trong bảng hỏi đã nhận được ý kiến đánh giá cao với điểm trung bình từ 3,60/4 đến 3,84/4. Trong đó, “Lập kế hoạch tuyển sinh” xếp ở vị trí số 1 và nhận được 96/110 (87,3%) ý kiến được hỏi đánh ở mức độ “Tốt” và không có ý kiến nào đánh giá “Yếu”. Vị trí thứ 2 và 3 là “Thu nhận và xử lý hồ sơ ban đầu” và “Tổng hợp và xét duyệt hồ sơ tuyển sinh của HĐTS SĐH” với điểm trung bình lần lượt là 3,82/4 điểm và 3,80/4 điểm.

Các nội dung đánh giá về “Công bố kết quả thi” và “Xử lý phúc tra kết quả thi tuyển” và “Báo cáo kết quả tuyển sinh về Bộ GD-ĐT” xếp ở 3 vị trí thứ bậc 6, 7 và 8 với điểm trung bình lần lượt là 3,67; 3,63 và 3,60/4 điểm và có tổng số 6 ý kiến đánh giá “Yếu”. Tuy nhiên, điểm trung bình chung của cả 3 nội dung này là 3,63/4 điểm.

2.3. Thực trạng công tác lập kế hoạch đào tạo

Bảng 2. Kết quả đánh giá thực trạng của CBQL, GV và HV về công tác Lập kế hoạch đào tạo

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ				ĐTB	Thứ bậc
		Tốt	Khá	TB	Yếu		
1	Thu thập và xử lý thông tin về tình hình đào tạo SDH	51	28	15	11	2,90	5
2	Lập các Dự thảo Kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ đào tạo	40	30	21	19	2,82	6
3	Họp bàn về các Dự thảo kế hoạch trên	60	30	10	5	3,22	4
4	Lập Kế hoạch chi tiết cho năm học, học kỳ, tháng và tuần	90	15	4	1	3,76	2
5	Công khai kế hoạch và phổ biến tới các giảng viên, học viên cao học	100	9	1	0	3,90	1
6	Tổ chức thực hiện, kiểm tra - đánh giá, tiếp nhận thông tin phản hồi để có những điều chỉnh phù hợp	65	25	15	5	3,36	3

Kết quả thống kê từ Bảng 2 trên cho thấy: Nội dung “Công khai kế hoạch và phổ biến tới các giảng viên, học viên cao học” được 90,9% trong tổng số ý kiến được hỏi đánh giá là làm “Tốt” và xếp ở vị trí thứ nhất với điểm trung bình 3,90/4 điểm, xếp vị trí thứ hai là “Lập Kế hoạch chi tiết cho năm học, học kỳ, tháng và tuần” với điểm trung bình là 3,76 điểm tương đương với các mức độ đánh giá “Tốt” chiếm 81,8%, chỉ có 13,6% đánh giá là “Khá”. Tuy nhiên, vẫn có 3,6% ý kiến đánh giá là “Trung bình”. Nhìn chung, cả hai nội dung này được làm tốt là do ngay từ khi khai giảng mỗi khoá học, đầu mỗi năm học, đầu mỗi học kỳ các kế hoạch đào tạo đều được phổ biến tới từng học viên, tới từng giảng viên. Điều này cũng giúp cho công tác chỉ đạo và kiểm tra việc đưa các thông tin về kế hoạch đào tạo lên website của Trường và niêm yết tại bảng tin của Phòng. “Tổ chức thực hiện, kiểm tra, đánh giá, tiếp nhận thông tin phản hồi để có những điều chỉnh phù hợp được đánh giá khá cao với 59,1% ý kiến đánh giá làm “Tốt”. Tuy nhiên, vẫn còn 18,1% số ý kiến đánh giá ở mức độ “Trung bình” và “Yếu”. Qua tìm hiểu chúng tôi nhận thấy, đôi khi kế hoạch cứng nhắc và không có những sự điều chỉnh cần thiết, kịp thời nhằm tạo ra một kế hoạch linh hoạt hơn. Nội dung được xếp cuối cùng là công tác Lập các Dự thảo Kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ đào tạo” với điểm trung bình 2,80/4 điểm, trong đó có 12,7% số ý kiến đánh giá là “Yếu”. Như vậy, công tác lập kế hoạch đào tạo tại Phòng SDH&ĐTQT đã được thực hiện khá tốt. Tuy nhiên, với những yêu cầu khắt khe của đào tạo theo học chế tín chỉ thì đây là một hoạt động cần có giải pháp để thay đổi mới.

2.4. Thực trạng công tác phát triển đội ngũ giảng viên

Bảng 3. Kết quả đánh giá thực trạng của CBQL, GV và học viên về công tác Phát triển đội ngũ giảng viên

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ				ĐTB	Thứ bậc
		Tốt	Khá	TB	Yếu		

1	Định kỳ khảo sát, đánh giá công tác phát triển đội ngũ giảng viên	90	15	4	1	3,76	2
2	Lập các Dự báo về đội ngũ giảng viên (về số lượng, trình độ...)	60	30	10	5	3,22	4
3	Sử dụng giảng viên phù hợp, đúng lĩnh vực chuyên môn được đào tạo	100	9	1	0	3,90	1
4	Tạo điều kiện để các giảng viên tham gia vào các Dự án, Hội thảo khoa học trong và ngoài nước	65	25	15	5	3,36	3
5	Xây dựng chính sách đối với giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng	35	30	21	24	2,70	6
6	Xây dựng chức trách, nhiệm vụ của giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng	40	30	21	19	2,82	5

Kết quả được thống kê ở Bảng 3 cho chúng ta thấy 6/6 nội dung đưa ra trong bộ câu hỏi đã nhận được ý kiến đánh giá ở mức độ “Khá” với điểm trung bình chung là 3,29/4 điểm. Cụ thể, nội dung được đánh giá cao nhất là “Sử dụng giảng viên phù hợp, đúng lĩnh vực chuyên môn được đào tạo” với điểm trung bình 3,90/4 điểm xếp ở vị trí thứ nhất, tiếp theo là “Định kỳ khảo sát, đánh giá công tác phát triển đội ngũ giảng viên” với điểm trung bình 3,76/4 điểm. Hai trong số sáu nội dung được đánh giá thấp nhất là “Xây dựng chức trách, nhiệm vụ của giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng” và “Xây dựng chính sách đối với giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng” với điểm trung bình lần lượt là 2,82 và 2,70 điểm.

Tóm lại, công tác quản lý phát triển đội ngũ giảng viên của Trường ĐHTĐ Hà Nội cần được quan tâm hơn nữa. Trước thực tế khó khăn là số giảng viên cơ hữu tham gia đào tạo SDH còn thiếu và yếu, bên cạnh đó việc duy trì và phát triển đội ngũ giảng viên thỉnh giảng là hết sức khó khăn. Việc xây dựng chức trách, nhiệm vụ của giảng viên, đặc biệt là giảng viên thỉnh giảng phải phù hợp với việc xây dựng chính sách đãi ngộ đối với họ.

2.4. Thực trạng xây dựng, thực hiện và phát triển chương trình đào tạo

Bảng 4. Kết quả đánh giá của CBQL, GV và học viên về công tác Xây dựng, thực hiện và phát triển chương trình đào tạo

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ				ĐTB	Thứ bậc
		Tốt	Khá	TB	Yếu		
1	Quản lý xây dựng Khung chương trình đào tạo; Chương trình chi tiết môn học	82	13	14	1	3,60	1
2	Phổ biến tới các cán bộ quản lý, giảng viên, học viên nhằm giúp họ nắm vững yêu cầu và nội dung chương trình	65	17	16	9	3,20	4
3	Chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện chương trình đào tạo	75	15	14	6	3,44	2

4	Định kỳ điều chỉnh, sửa đổi chương trình nhằm cập nhật, sửa chữa những vấn đề phát sinh	30	25	30	25	2,27	5
5	Phát triển chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành	69	17	12	9	3,27	3

Qua bảng số liệu trên ta thấy một điểm chung là 5/6 nội dung được đánh giá ở mức độ “Khá”. Nội dung xếp thứ nhất “Quản lý xây dựng khung chương trình đào tạo của từng chuyên ngành; Chương trình chi tiết môn học” là nội dung nhận được số ý kiến đánh giá ở mức độ “Tốt” cao nhất với 74,54% (82/110 ý kiến được hỏi) tổng số ý kiến được hỏi. Tuy nhiên vẫn có khoảng gần 13,0% ý kiến đánh giá nội dung này ở mức độ “Trung bình”. Nội dung xếp thứ 2 “Chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện chương trình đào tạo” với điểm trung bình là 3,44/4 điểm.

Xếp ở vị trí cuối cùng là “Định kỳ điều chỉnh, sửa đổi chương trình nhằm cập nhật, sửa chữa những vấn đề phát sinh” nhận được 25 ý kiến đánh giá (22,72%) đánh giá ở mức độ “Yếu” và có mức điểm trung bình là 2,27 điểm. Trước những yêu cầu như hiện nay thì việc định kỳ điều chỉnh, sửa đổi chương trình nhằm cập nhật, sửa chữa những vấn đề phát sinh như thực trạng bị đánh giá là chưa theo kịp thời.

2.5. Thực trạng tổ chức và chỉ đạo hoạt động dạy học và nghiên cứu khoa học

Bảng 5. Kết quả đánh giá của CBQL, GV và học viên về công tác Tổ chức và chỉ đạo hoạt động dạy - học và NCKH

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ				ĐTB	Thứ bậc
		Tốt	Khá	TB	Yếu		
1	Quản lý việc thực hiện Chương trình chi tiết môn học; Chuẩn bị bài giảng	86	11	10	3	3,63	1
2	Quản lý việc đổi mới phương pháp dạy - học	75	15	14	6	3,44	3
3	Quản lý việc học tập trên lớp và hoạt động tự học, tự nghiên cứu của học viên	83	14	10	3	3,61	2
4	Quản lý hoạt động NCKH của học viên	30	30	24	26	2,58	4
5	Quản lý công tác tổ chức các giờ thực hành, thực tế	25	30	26	29	2,46	5
6	Gắn kết hoạt động dạy-học của giảng viên, học viên cao học với hoạt động NCKH	10	14	36	50	1,85	6

Kết quả thu được ở Bảng 5 cho chúng ta thấy:

Nội dung “Quản lý việc thực hiện Chương trình chi tiết môn học; Chuẩn bị bài giảng” được đánh giá cao nhất có điểm trung bình 3,63/4 điểm tương đương 78,18% ý kiến

đánh giá ở mức độ “Tốt”, 10,0% ý kiến đánh giá “Khá”, chỉ có 2,72% ý kiến đánh giá ở mức độ “Yếu”. Sở dĩ công tác này được đánh giá ở mức độ “Tốt” là do ngay từ khi gửi lịch giảng dạy với giảng viên cơ hữu và khi bắt đầu ký hợp đồng giảng dạy với giảng viên thỉnh giảng, Phòng SĐH&ĐTQT đã yêu cầu nộp và gửi Chương trình chi tiết môn học, đề cương bài giảng về Phòng và cho người học để quản lý và quá trình thực hiện chương trình được đảm bảo. Sau 1 hoặc 2 môn, các chuyên viên của Phòng thường gặp lớp để trao đổi về và lắng nghe những ý kiến phản hồi của học viên để kịp thời điều chỉnh.

Xếp ở vị trí thứ hai là “Quản lý việc học tập trên lớp và hoạt động tự học, tự nghiên cứu của học viên” với điểm trung bình là 3,61/44 điểm nhưng vẫn còn có 11,81% ý kiến đánh giá ở mức độ “Trung bình và yếu”. Qua điều tra chúng tôi được biết: Công tác quản lý hoạt động học ở trên lớp đã các chuyên viên Phòng, giảng viên phụ trách môn quan tâm sâu sát và đảm bảo học viên phải dự đủ 80% số buổi lên lớp mới được thi hoặc làm tiểu luận hết môn. Tuy nhiên, việc quản lý hoạt động tự học, tự nghiên cứu của học viên còn chưa có phương pháp hữu hiệu và chưa đạt được hiệu quả như mong muốn. Tiếp theo là “Quản lý việc đổi mới phương pháp dạy - học” với điểm trung bình 3,44 điểm, nhận được 68,18% ý kiến đánh giá “Tốt”. Tuy nhiên, có 5,45% ý kiến đánh giá “Yếu”. Xếp ở vị trí cuối cùng là “Gắn kết hoạt động dạy - học của giảng viên, học viên cao học với hoạt động NCKH” với điểm trung bình là 1,85 điểm, có khoảng 9,10% ý kiến đánh giá “Tốt” và đã nhận được 45,54% trong tổng số ý kiến được hỏi đánh giá nội dung này ở mức độ “Yếu”.

2.6. Thực trạng công tác quản lý nguồn tài chính và tăng cường cơ sở vật chất phục vụ đào tạo

Bảng 6. Kết quả đánh giá của CBQL, GV và học viên về công tác Quản lý nguồn tài chính và tăng cường cơ sở vật chất phục vụ đào tạo

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ				ĐTB	Thứ bậc
		Tốt	Khá	TB	Yếu		
1	Xây dựng Kế hoạch tăng cường nguồn tài chính cho đào tạo SĐH	35	30	21	24	2,70	5
2	Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ đào tạo SĐH	30	30	26	24	2,56	6
3	Xây dựng thư viện riêng phục vụ công tác đào tạo SĐH	5	14	36	55	1,72	7
4	Tăng cường mua sắm sách, giáo trình, tạp chí chuyên ngành phục vụ đào tạo SĐH	45	30	21	14	2,96	2
5	Trang bị máy móc, thiết bị	40	30	21	19	2,82	4
6	Mở rộng, tu bổ giảng đường, phòng học SĐH	51	28	15	11	2,90	3
7	Định kỳ kiểm kê tài sản	90	15	4	1	3,76	1

Kết quả thống kê ở bảng 6 cho chúng ta thấy, có 6/7 nội dung được đưa ra trong bảng hỏi nhận được ý kiến đánh giá ở mức độ “Trung bình và yếu” với mức điểm trung bình chung 2,27 điểm, trong đó nội dung “Xây dựng thư viện riêng phục vụ công tác đào tạo SĐH” có điểm trung bình thấp nhất với 1,72/4 điểm. Có 1 nội dung có điểm trung bình cao nhất trên 3,7 điểm (81,81%) ở mức độ “Tốt” đó là: “Định kỳ kiểm kê tài sản xếp”. Đây là một nội dung quản lý mà Nhà trường đã làm tốt, mỗi năm một lần Phòng đã kết hợp với Phòng Quản trị kiểm kê tài sản.

2.7. Thực trạng công tác ứng dụng công nghệ thông tin

Bảng 7. Kết quả đánh giá của CBQL, GV và học viên về ứng dụng CNTT

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ				ĐTB	Thứ bậc
		Tốt	Khá	TB	Yếu		
1	Công tác triển khai ứng dụng phần mềm quản lý đào tạo	5	14	36	55	1,72	2
2	Quản trị và cung cấp các thông tin trên Website: Quy định về đào tạo thạc sĩ; Thông báo tuyển sinh; Kế hoạch đào tạo; Chương trình đào tạo	75	15	14	6	3,44	1
3	Cung cấp các tài liệu/học liệu phục vụ đào tạo thạc sĩ trên website như: Giáo trình điện tử; Bài giảng điện tử; Đề cương chi tiết môn học/học phần	3	8	39	60	1,58	6
4	Thông tin về kết quả đào tạo và NCKH trên website: Thời khoá biểu; Điểm thi; Lịch bảo vệ đề cương đề tài; Lịch bảo vệ đề tài thạc sĩ	4	10	40	56	1,65	4
5	Công bố toàn văn hoặc thông tin tóm tắt đề tài thạc sĩ trên website	0	0	0	0	0,0	7
6	Xây dựng Kế hoạch phát triển và ứng dụng CNTT trong hoạt động đào tạo thạc sĩ	4	12	38	56	1,67	3
7	Kiểm tra-đánh giá công tác ứng dụng CNTT	4	9	39	58	1,62	5

Kết quả thống kê ở Bảng 7 cho chúng ta thấy, có 1/7 nội dung được đánh giá ở mức độ “Tốt” đó là “Quản trị và cung cấp các thông tin trên Website: Quy định về đào tạo thạc sĩ; Thông báo tuyển sinh; Kế hoạch đào tạo; Chương trình đào tạo” chiếm 68,18% ý kiến được học tương đương với mức điểm trung bình 3,44/4 điểm. Trong khi đó, 6/7 nội dung đưa ra trong bộ câu hỏi đã nhận được ý kiến đánh giá ở mức độ “Yếu” và “Trung bình” chiếm tỷ lệ hơn 90% tổng số ý kiến được trưng cầu. “Công tác triển khai ứng dụng phần mềm quản lý đào tạo”; “Xây dựng Kế hoạch phát triển và ứng dụng CNTT trong hoạt động đào tạo thạc sĩ”; “Thông tin về kết quả đào tạo và NCKH trên website: Thời khoá biểu;

Điểm thi; Lịch bảo vệ đề cương đề tài; Lịch bảo vệ đề tài thạc sĩ”; “Kiểm tra-đánh giá công tác ứng dụng CNTT” và “Cung cấp các tài liệu/học liệu phục vụ đào tạo thạc sĩ trên website như: Giáo trình điện tử; Bài giảng điện tử; Đề cương chi tiết môn học/học phần” với mức điểm trung bình lần lượt là 1,72; 1,67; 1,65; 1,62 và 1,58.

Riêng nội dung thứ 7 chúng tôi không xử lý kết quả vì chưa có khóa sinh viên ra trường. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn đưa nội dung này vào trong bộ câu hỏi để đề xuất giải pháp đảm bảo sự toàn diện.

2.8. Thực trạng công tác kiểm tra và đánh giá hoạt động đào tạo

Bảng 8: Kết quả đánh giá của CBQL, GV và học viên về công tác Kiểm tra và đánh giá hoạt động đào tạo trình độ thạc sĩ

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ				ĐTB	Thứ bậc
		Tốt	Khá	TB	Yếu		
1	Xây dựng kế hoạch kiểm tra cho năm học, học kỳ và môn học	82	13	14	1	3,60	6
2	Kiểm tra việc thực hiện nề nếp chuyên môn	86	11	10	3	3,63	4
3	Tổ chức thi, chấm thi, chấm tiểu luận hết môn đúng quy chế	90	16	4	0	3,78	2
4	Tổng hợp kết quả học tập cho từng học viên, toàn khoá theo học kỳ, năm học và toàn khoá học	75	15	14	6	3,44	7
5	Xét điều kiện đề được làm đề cương nghiên cứu, viết đề tài tốt nghiệp đúng Quy chế và Quy định	83	14	10	3	3,61	5
6	Xây dựng Quy định về trình tự làm việc và tiêu chí đánh giá của Hội đồng thông qua tên đề tài/bảo vệ luận văn thạc sĩ đúng Quy chế, Quy định	90	15	4	1	3,76	3
7	Tổ chức các Hội đồng thông qua tên đề tài/bảo vệ luận văn thạc sĩ đúng Quy chế, Quy định	100	9	1	0	3,90	1
8	Xét tốt nghiệp thạc sĩ và cấp bằng thạc sĩ đúng Quy chế	0	0	0	0	0,0	9
9	Công tác lưu trữ và báo cáo tình hình đào tạo thạc sĩ	65	17	16	9	3,20	8

Kết quả thu được ở Bảng 8 cho chúng ta thấy, đa số các ý kiến đánh giá ở mức độ “Tốt”, ngoại trừ nội dung thứ 8 (vì hiện nay chưa có học viên tốt nghiệp ra trường):

Nội dung “Tổ chức các Hội đồng bảo vệ đề tài thạc sĩ đúng Quy chế, Quy định” nhận

được 90,9% trong tổng số ý kiến được hỏi đánh giá ở mức độ “Tốt” và xếp thứ nhất với điểm trung bình 3,90/4 điểm. Các vị trí thứ hai và ba là “Tổ chức thi, chấm thi, chấm tiểu luận hết môn đúng quy chế” và “Xây dựng Quy định về trình tự làm việc và tiêu chí đánh giá của Hội đồng thông qua tên đề tài/bảo vệ luận văn thạc sĩ đúng Quy chế, Quy định” với điểm trung bình lần lượt là 3,78 và 3,76 điểm. Các nội dung còn lại đều nhận được trên 59,0% ý kiến đánh giá ở mức độ “Tốt”, nhưng nội dung như: “Tổng hợp kết quả học tập cho từng học viên, toàn khoá theo học kỳ, năm học và toàn khoá học” và “Công tác lưu trữ và báo cáo tình hình đào tạo thạc sĩ” vẫn tồn tại một vài ý kiến đánh giá ở mức độ “Yếu”. Tuy nhiên, những ý kiến này không nhiều và đáng lo ngại.

2.9. Thực trạng công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về hoạt động đào tạo sau đại học

Bảng 9. Kết quả đánh giá của CBQL, GV và học viên về công tác nâng cao nhận thức về hoạt động đào tạo sau đại học

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ				ĐTB	Thứ bậc
		Tốt	Khá	TB	Yếu		
1	Có kế hoạch phổ biến, tuyên truyền tới các CBQL, GV, học viên cao học về tầm quan trọng của hoạt động đào tạo sau đại học	30	30	24	26	2,58	3
2	Thường xuyên kiểm tra đánh giá công tác quản lý đào tạo SDH	40	30	21	19	2,82	1
3	Phân tích thời cơ và thách thức của các chuyên ngành đang đào tạo, của hoạt động đào tạo SDH	30	30	26	24	2,56	4
4	Dự báo những thành tích (điểm đến) cần đạt được trong tương lai	30	25	30	25	2,27	6
5	Xây dựng kế hoạch để tận dụng thời cơ và xử lý các thách thức đang đặt ra	25	30	26	29	2,46	5
6	Xây dựng chính sách đối với các cán bộ trực tiếp làm công tác quản lý đào tạo SDH	35	30	21	24	2,70	2

Kết quả thông kê Bảng 9 cho chúng ta thấy, 6/6 nội dung về công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của CBQL, GV và học viên về tầm quan trọng của hoạt động đào tạo sau đại học xây dựng trong bộ câu hỏi đã nhận được ý kiến đánh giá nhưng ở mức độ “Trung bình”: Nội dung “Thường xuyên kiểm tra đánh giá công tác quản lý đào tạo SDH” xếp thứ nhất với điểm trung bình 2,82 điểm, xếp tiếp theo là “Xây dựng chính sách đối với các cán bộ trực tiếp làm công tác quản lý đào tạo SDH”. Nội dung “Có kế hoạch phổ biến, tuyên truyền tới các CBQL, GV, học viên cao học về tầm quan trọng của hoạt động đào tạo sau đại học” xếp ở vị trí thứ 3 với điểm trung bình 2,58/4 điểm. Đặc biệt, nội dung “Dự báo những thành tích (điểm đến) cần đạt được trong tương lai” với điểm trung bình là 2,27/4

điểm. Đây là một nội dung cần có giải pháp khắc phục.

2.10. Đánh giá chung

Ở phần trên, chúng tôi đã tiến hành tìm hiểu thực trạng quản lý đào tạo thạc sĩ tại Trường Đại học Thủ đô Hà Nội. Trong phần này chúng tôi tiến hành phát phiếu điều tra đánh giá của CBQL, GV và học viên về mức độ thực hiện các nội dung quản lý đào tạo trình độ thạc sĩ để kiểm chứng lại thực trạng trên.

Bảng 10. Kết quả đánh giá của CBQL, GV và học viên về việc thực hiện các nội dung quản lý đào tạo trình độ thạc sĩ

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ				ĐTB	Thứ bậc
		Tốt	Khá	TB	Yếu		
1	Công tác tuyển sinh	90	14	6	0	3,76	1
2	Công tác lập kế hoạch đào tạo	70	20	14	6	3,40	3
3	Công tác phát triển đội ngũ giảng viên	70	16	18	6	3,27	7
4	Quản lý việc xây dựng, thực hiện và phát triển chương trình đào tạo	70	18	16	6	3,38	4
5	Quản lý hoạt động dạy-học và hoạt động nghiên cứu khoa học	69	18	17	6	3,36	5
6	Quản lý nguồn tài chính và tăng cường cơ sở vật chất phục vụ đào tạo	65	17	16	9	3,20	8
7	Quản lý công tác ứng dụng công nghệ thông tin	66	18	20	6	3,31	6
8	Quản lý kiểm tra, đánh giá hoạt động đào tạo	74	15	20	1	3,47	2
9	Quản lý công tác nâng cao nhận thức về hoạt động đào tạo SDH và Sự thay đổi trong hoạt động này	40	30	21	19	2,82	9

Qua Bảng 10 cho chúng ta thấy, “Công tác tuyển sinh” được đánh giá cao nhất với điểm trung bình 3,76/4 điểm, chiếm 81,18% ý kiến đánh giá “Tốt”, 12,72% ý kiến đánh giá “Khá”, chỉ không có ý kiến đánh giá mức độ “Yếu”. Tiếp theo là “Quản lý kiểm tra, đánh giá hoạt động đào tạo” với điểm trung bình đạt 3,47/4 điểm. Phòng SDH&ĐTQT đã thực hiện nghiêm túc nội dung này. Xếp thứ ba và tư là “Công tác lập kế hoạch đào tạo” và “Quản lý công tác xây dựng, thực hiện và phát triển chương trình” với mức điểm trung bình lần lượt là 3,44 và 3,40/4 điểm. Tuy nhiên, ở nội dung này công tác phát triển chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành còn chưa phát triển. Các ý kiến đánh giá là tốc độ phát triển chưa theo kịp với nhu cầu của xã hội.

Các nội dung xếp cuối là “Công tác phát triển đội ngũ giảng viên”; “Quản lý nguồn tài chính và tăng cường cơ sở vật chất phục vụ đào tạo” và “Quản lý công tác nâng cao nhận

thức về hoạt động đào tạo sau đại học và quản lý sự thay đổi trong hoạt động” lần lượt có điểm trung bình là 3,27; 3,20 và 2,82 điểm. Các nội dung này đã được quan tâm nhưng việc thực hiện chưa được bài bản và cương quyết. Vì vậy, cần phải có giải pháp cho công tác này.

2.11. Giải pháp

2.11.1. Nâng cao nhận thức về hoạt động đào tạo sau đại học

Trong bối cảnh quốc tế hoá, giáo dục và đào tạo sau đại học không còn thuần túy là loại hoạt động thuộc dịch vụ công cộng, đào tạo đã chứa đựng tính kinh doanh thương mại và mang tính cạnh tranh ngày càng mạnh mẽ khi cấp độ hội nhập của một quốc gia ngày càng cao. Do đó, đào tạo sau đại học đã trở thành một lĩnh vực kinh doanh và cạnh tranh ngày càng trở nên mạnh mẽ nên các trường đại học hướng tới việc xác định rõ sứ mạng và kế hoạch hành động để phát triển hình ảnh của nhà trường ra công chúng và quốc tế.

Vì vậy, muốn nâng cao chất lượng đào tạo sau đại học, xây dựng được thương hiệu của Nhà trường thì các cán bộ quản lý phải đặc biệt quan tâm đến việc nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của hoạt động đào tạo sau đại học.

Mục tiêu của biện pháp

Mục tiêu của biện pháp này là làm cho toàn bộ đội ngũ cán bộ quản lý, đội ngũ giảng viên đặc biệt là đội ngũ cán bộ, giảng viên trực tiếp tham gia vào công tác đào tạo sau đại học nhận thức về tầm quan trọng của hoạt động đào tạo sau đại học của một nhà trường và hiểu đúng về bản chất của hoạt động đào tạo này.

Hoàn thiện công tác lập kế hoạch đào tạo theo học chế tín chỉ

Hoạt động đào tạo thạc sĩ cần phải được áp dụng đúng với những đặc thù của phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ. Vì vậy, công tác lập kế hoạch đào tạo cần được đổi mới và hoàn thiện.

Theo học chế thì khác hẳn, bởi học viên sẽ là người tự lập kế hoạch đào tạo của mình trên cơ sở những quy định của đơn vị đào tạo và sự trợ giúp của hệ thống cố vấn học tập như việc học viên tự đăng ký học, tự lập lịch trình học tập và nghiên cứu cho mình. Do vậy, sẽ có rất nhiều kế hoạch học tập và nghiên cứu của từng học viên, lúc này khối lượng công việc sẽ rất lớn và phức tạp nên cần có một phần mềm hỗ trợ giúp tổng hợp các kế hoạch cá nhân thành kế hoạch tổng hợp của Phòng SĐH&ĐTQT.

Mục tiêu của biện pháp

Mục tiêu của biện pháp này là hoàn thiện công tác lập kế hoạch sao cho đáp ứng được yêu cầu của đào tạo theo học chế tín chỉ.

2.11.2. Phát triển đội ngũ giảng viên

Đặc điểm của Phòng SĐH&ĐTQT là không có đội ngũ giảng viên cơ hữu mà chỉ có các giảng viên được Phòng mời giảng đến từ các Khoa trong toàn trường. Đặc biệt là các giảng viên thỉnh giảng ngoài trường đến từ các cơ sở đào tạo trong nước. Do đó, công tác duy trì và phát triển đội ngũ giảng viên thỉnh giảng là rất khó khăn và là đòi hỏi cấp thiết. Mục tiêu

của biện pháp: Mục tiêu của biện pháp này là xây dựng, duy trì và phát triển một đội ngũ giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng đáp ứng được các tiêu chuẩn theo Quy định của Bộ GD-ĐT, đủ về số lượng, đáp ứng được việc thực hiện nội chương trình đào tạo, đam mê nghiên cứu khoa học và có khả năng hướng dẫn các các học viên cao học hoàn thành tốt luận văn tốt nghiệp thạc sĩ.

2.11.3. Gắn kết hoạt động đào tạo và hoạt động nghiên cứu khoa học

Hoạt động đào tạo và hoạt động NCKH là hai nhiệm vụ chủ yếu của mỗi nhà trường. Văn bản pháp quy về quản lý khoa học và công nghệ của Bộ GD-ĐT có nói: NCKH là nhiệm vụ bắt buộc của giảng viên. Giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ phải đi đầu trong công tác NCKH, có trách nhiệm định hướng nghiên cứu, tổ chức tập hợp giảng viên, nghiên cứu sinh cùng tham gia NCKH để xây dựng các tập thể khoa học. Mục tiêu của biện pháp: Biện pháp này hướng tới mục tiêu là gắn kết được hoạt động đào tạo và hoạt động NCKH, làm cho hai hoạt động này không tách rời nhau mà phải chạy song song, hỗ trợ cho nhau cùng phát triển. Hoạt động dạy của giảng viên, hoạt động học của học viên cao học chính là từng bước nghiên cứu khoa học nhằm thực hiện tốt đề tài đề tài tốt nghiệp thạc sĩ.

2.11.4. Phát triển chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành

Chương trình đào tạo là xương sống của toàn bộ quá trình đào tạo. Chương trình đào tạo không chỉ thể hiện được năng lực chuyên môn tích lũy được mà phải đồng thời đảm bảo sáu nhân tố của chất lượng nguồn nhân lực như: Trình độ văn hoá, học vấn; Trí lực; Thể lực; Năng lực chuyên môn, nghề nghiệp; Hiểu biết xã hội, lối sống; Khả năng thích ứng, phát triển. Mục tiêu của biện pháp: Mục tiêu của biện pháp này là nghiên cứu nhu cầu của xã hội để nhanh chóng phát triển các chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành một cách kịp thời nhằm đi tắt đón đầu và tháo gỡ nhu cầu xã hội.

2.11.5. Quản lý hiệu quả nguồn tài chính, cơ sở vật chất phục vụ đào tạo

Nguồn tài chính và cơ sở vật chất đóng vai trò vô cùng quan trọng và đôi khi là quyết định chất lượng đào tạo. Đào tạo trình độ thạc sĩ ở Trường Đại học Thủ đô Hà Nội cũng không nằm ngoài quy luật ấy. Vì vậy, việc quản lý nguồn tài chính, cơ sở vật chất làm sao cho có hiệu quả nhất đang là bài toán đặt ra cho Phòng SĐH&ĐTQT. Mục tiêu của biện pháp: Mục tiêu của biện pháp này là đảm bảo cho các nguồn tài chính được khai thác tối đa, quản lý chặt chẽ, sử dụng có hiệu quả, phù hợp với chế độ, chính sách quy định của Nhà nước góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

3. KẾT LUẬN

Để quản lý đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Thủ đô Hà Nội bảo đảm chất lượng, hiệu quả, cần thực hiện đầy đủ, đồng bộ các tác động khoa học, hợp lý đến các khâu của quá trình đào tạo. Bên cạnh việc phát triển chương trình đào tạo theo hướng hiện đại gắn với chuẩn đầu ra, cần chú trọng xây dựng đội ngũ giáo viên tham gia đào tạo thạc sĩ có chất lượng, xây dựng môi trường văn hóa trong đào tạo trình độ thạc sĩ, đảm bảo cơ sở vật chất, tài chính và hoàn thiện hệ thống văn bản quy định về quy trình đào tạo, ứng dụng công nghệ

thông tin,... sẽ tạo được bước chuyển biến mạnh mẽ, nâng cao chất lượng quản lý đào tạo nhằm phục vụ hiệu quả nhu cầu phát triển giáo dục và xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vũ Thị Phương Anh (2013), “Đảm bảo chất lượng giáo dục đại học tại Việt Nam với nhu cầu hội nhập”, *Tạp chí Văn hoá và Du lịch*, số 11.
2. Đặng Quốc Bảo, 2007, *Cẩm nang nâng cao năng lực quản lý nhà trường*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Đặng Quốc Bảo, 2012, *Một số góc nhìn về phát triển và quản lý giáo dục*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
4. Đặng Quốc Bảo (1999), *Một số khái niệm về quản lý giáo dục*, Trường Quản lý Cán bộ Giáo dục – Đào tạo, Hà Nội.
5. Vũ Cao Đàm (2005), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, Nxb. Khoa học & Kỹ thuật Hà Nội, Hà Nội.
6. Trần Khánh Đức (2001), “Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn đảm bảo chất lượng đào tạo đại học và trung học chuyên nghiệp”, *Đề tài nghiên cứu cấp Bộ (B2000-52-TĐ 44)*, Viện Nghiên cứu Phát triển Giáo dục, Hà Nội.
7. Trần Khánh Đức (2004), *Quản lý và kiểm định chất lượng đào tạo nhân lực theo ISO và TQM*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
8. Đặng Xuân Hải, 2005, “Vận dụng lý thuyết quản lý sự thay đổi để chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học ở nhà trường trong giai đoạn hiện nay”, *Tạp chí Giáo dục*, tháng 1/2005.
9. Trần Thị Bích Liễu, 2005, “Quản lý dựa vào nhà trường – Con đường nâng cao chất lượng và công bằng giáo dục”, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.
10. Bùi Văn Quân (2007), *Lập kế hoạch trong Quản lý giáo dục*, Tập bài giảng dành cho học viên cao học chuyên ngành Quản lý giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội.
11. Phạm Việt Vượng (2001), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
12. Annesley F., King H., Harte J. (1994), *Quality Assurance in Teaching at James Cook University of North Queensland*, James Cook University, Brisbane.
13. Deming, W.E. (1986), *Out of the Crisis*, Cambridge University Press, Cambridge. Crosby, P. (1979), *Quality is Free*, New York, McGraw-Hill.

THE MANAGEMENT OF GRADUATE TRAINING AT HANOI METROPOLITAN UNIVERSITY: THE SITUATION AND SOLUTION

Abstract: Graduate training has played an important role in developing human resources in Vietnam in general and Hanoi Metropolitan University in particular. Some details will be shown in the developing process and training framework. In this article, the author will analyse the situation of managing graduate training at Hanoi Metropolitan University and propose some solutions for its limitations in order to enhance the quality of training based on the reality of the school.

Keywords: Human resources, graduate training, university.